|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**Dự thảo 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính**

**trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015; *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; *thủy lợi;* đê điều.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm *hành chính*, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; *thủy lợi*; đê điều.

*2. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi;* đê điều mà không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; *thủy lợi*; đê điều trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. *Người có thẩm quyền lập biên bản,* thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

4. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Tổ chức thủy lợi cơ sở được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật hợp tác xã, gồm: hợp tác xã,*liên hiệp hợp tác xã;*

*c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư;*

*d) Chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

5. *Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, tổ hợp tác thực hiện hành vi vi phạm hành chính thì bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.*

**Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; *thủy lợi*; đê điều cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu *một* hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc *phá* dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

c) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi;

*d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;*

đ) Buộc nộp lại số tiền, hàng hóa hoặc số tiền bằng giá trị hàng hóa đối với hành vi vi phạm hành chính;

e) Buộc thực hiện các nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hành vi vi phạm hành chính;

g) Buộc đóng góp quỹ phòng chống thiên tai theo mức quy định đối với hành vi vi phạm hành chính.

*h) Buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng đê điều do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây ra.*

***Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính***

*1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi là 01 năm; lĩnh vực đê điều là 02 năm.*

*2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:*

*a) Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.*

*b) Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.*

*c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính;*

*d) Trong thời hạn được quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.*

**Điều 5. Quy định về mức phạt tiền**

*1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều được quy định như sau:*

*a) Đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai là 50.000.000 đồng;*

*b) Đối với lĩnh vực đê điều là 100.000.000 đồng;*

c*) Đối với lĩnh vực thủy lợi là 250.000.000 đồng;*

2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ các hành vi quy định tại *Điều 13; Điều 14 của* Nghị định này thì áp dụng đối với tổ chức. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

**Chương II**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT,**

**MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

**Điều 6. Vi phạm về vận hành, *sử dụng* công trình phòng, chống thiên tai, trừ công trình khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cản trở sự vận hành của công trình phòng, chống thiên tai.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi neo đậu không đúng nơi quy định của tàu thuyền và các phương tiện khác vào công trình phòng, chống thiên tai.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cố ý sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống thiên tai.

***Điều 7. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình phòng, chống thiên tai***

*1*. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm *hư hỏng* các công trình *công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai.*

*2. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng công trình, nhà ở trái phép xâm phạm công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai như sau:*

*a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với diện tích nhỏ hơn 10 m2;*

*b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với diện tích từ 10 m2 đến 30 m2;*

*c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với diện tích từ 30 m2 đến dưới 50 m2;*

*d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với diện tích từ 50 m2 trở lên.*

*3. Biện pháp khắc phục hậu quả*

*a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản, khoản 3 Điều này.*

*b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này*.

***Điều 8.******Hành vi đổ chất thải, để vật liệu vào công trình phòng chống thiên tai***

*1. Phạt tiền đối với hành vi đổ chất thải, để vật liệu vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét như sau:*

*a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng với khối lượng dưới 03 m3;*

*b) Từ 3000.000 đồng đến 4.000.000 đồng với khối lượng từ 03 m3 đến dưới 05 m3;*

*c) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng từ 05m3 đến dưới 10 m3;*

*d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 10 m3 đến dưới 50 m3;*

*đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với khối lượng từ 50 m3 đến dưới 200 m3;*

*e) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 200 m3 đến dưới 500 m3;*

*f) Từ 40.00.000 đồng đến 50.000.000 đồng với khối lượng từ 500 m3 trở lên.*

*2. Biện pháp khắc phục hậu quả*

*Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này*.

**Điều 9. Các hành vi vi phạm làm tăng rủi ro thiên tai**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong hành vi lấn chiếm bãi sông, lòng sông,*suối, kênh, rạch, bờ biển* làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục.

*2. Phạt tiền đối với hành vi khai thác đất đá, cát, sỏi, khoáng sản như sau:*

*a) Từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đối với khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản làm gia tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục.*

*b) Từ 30.000.000 đến 50.000.000 đối với hành vi khai thác đất đá, cát, sỏi, khoáng sản gây sạt lở bờ sông, suối, kênh rạch, bờ biển.*

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại 1 Điều này;

b) *Buộc nộp lại số tiền bằng giá* trị đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản đã khai thác đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 10. Vi phạm quy định trong triển khai ứng phó với thiên tai**

1. Phạt tiền từ *1.000.000 đồng đến 3.000.000* đồng đối với *hành vi không chấp hành sự chỉ đạo*, chỉ huy phòng, chống thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trừ quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi *không cung cấp* hoặc *cung cấp thông tin sai lệch về vị trí*, tình trạng của phương tiện tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, trên hồ cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi có thiên tai.

*3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của người có thẩm quyền đối với phương tiện, tàu thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, trên hồ.*

**Điều 11. Vi phạm quy định về cứu hộ, cứu nạn trong phòng, chống thiên tai**

*1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thông tin kịp thời để lực lượng chức năng đến cứu nạn trên biển, sông, suối, ao, hồ, trừ trường hợp bất khả kháng.*

*2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cứu người, phương tiện bị nạn trên biển, sông, suối, ao, hồ trừ trường hợp bất khả kháng.*

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi yêu cầu *cứu hộ* nhưng không hợp tác khi lực lượng cứu hộ tiếp cận.

**Điều 12. Vi phạm quy định trong khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố ý kê khai, báo cáo sai sự thật về thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ và cứu trợ không đúng đối tượng;

b) Thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền, hàng hóa hoặc số tiền bằng giá trị hàng hóa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

**Điều 13. Vi phạm về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng, xây mới hoặc cải tạo công trình theo quy định tại Điều 18a và Điều 19 Luật Phòng, chống thiên tai**

*1. Phạt tiền từ 15.000.0000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình thuộc khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác như sau:*

*a) Không đo đạc, quan trắc, giám sát an toàn công trình, vận hành công trình, khu vực chịu tác động do vận hành công trình, các khu vực trọng điểm xung yếu của công trình và khu vực có nguy cơ cao làm gia tăng rủi ro thiên tai.*

*b) Không đo đạc, quan trắc, theo dõi các yếu tố liên quan đến diễn biến thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.*

*c) Không kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình và khu vực chịu tác động khi vận hành công trình theo quy định (thường xuyên, định kỳ, đột xuất).*

*d) Không có biện pháp xử lý kịp thời sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai đối với công trình.*

*đ) Không tổ chức tuần tra, canh gác đối với các công trình đặc thù theo quy định của pháp luật.*

2. Hành vi không đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong đầu tư xây mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác, bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo tính ổn định của công trình trước thiên tai;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đối với hành vi làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 14. Vi phạm về xây dựng và thực hiện phương án ứng phó thiên tai**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không gửi phương án ứng phó thiên tai đã được phê duyệt đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi *không xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai hoặc hằng năm không rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai.*

**Điều 15. Vi phạm về đóng góp vào Quỹ phòng, chống thiên tai**

1. Phạt tiền bằng số tiền phải đóng góp còn thiếu nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với hành vi đóng thiếu quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm.

2. Phạt tiền gấp 2,0 lần mức phải đóng góp nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với hành vi không đóng quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đóng góp quỹ phòng chống thiên tai theo mức quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 16. Vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng nội dung đã đăng ký, trừ tình huống cấp bách.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động phòng, chống thiên tai không có giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký đã hết hạn, trừ tình huống cấp bách.

**Chương III**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT,**

**MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**TRONG LĨNH VỰC *THỦY LỢI***

**Điều 17. Vi phạm gây cản trở dòng chảy của công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi trồng rau, cắm đăng đó, chất chà và các hình thức đánh bắt khác gây cản trở dòng chảy.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 18. Vi phạm quy định về đổ *đấ*t, rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; xả nước thải vào công trình thủy lợi**

1. Hành vi đổ *đất,* rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi đổ *đất,* rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng dưới 0,5 m3;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đổ đất, rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 0,5 m3 đến dưới 1 m3;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đổ *đất,* rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 01 m3 đến dưới 03 m3;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi đổ *đất,* rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 03 m3 đến dưới 05 m3;

đ) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi đổ *đất,* rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 05 m3 trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 19. Vi phạm quy định về vận hành công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành công trình thủy lợi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại Điều 23 của Nghị định này;

b) Không có nhiệm vụ mà tự ý vận hành công trình thủy lợi.

2.Phạt tiền đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi theo quy định, cụ thể như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi nhỏ theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi vừa theo quy định;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi lớn hoặc quan trọng đặc biệt theo quy định.

**Điều 20. Vi phạm quy định trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi nhỏ đã được phê duyệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi vừa đã được phê duyệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi lớn đã được phê duyệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt đã được phê duyệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 21. Vi phạm quy định về sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi**

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi sai mục đích sử dụng.

**Điều 22. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm lều, quán, tường; xây dựng các công trình tạm trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Đào, cuốc, xới, đánh vầng cỏ, gieo trồng các loại cây hoa màu trên bờ, mái kênh, mái đập đất.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng lò gạch, lò vôi, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Nuôi trồng thủy sản trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

c) Phá dỡ, xê dịch mốc chỉ giới, biển báo của công trình thủy lợi hoặc tự ý đấu nối kênh, đường ống dẫn nước;

d) Hoạt động nghiên cứu khoa học, trồng cây lâu năm trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

đ) Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi:

a) Không gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và thời gian quy định;

b) Không thực hiện kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và chế độ quy định;

c) Không có hoặc không tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công;

d) Không thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định;

đ) Không thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi;

e) Không có hoặc không thực hiện phương án bảo vệ đã được phê duyệt;

g) Không có hoặc không rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm hoặc không thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.

4. Phạt tiền đối với hành vi mở rộng quy mô công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, cơi nới, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình dưới 10m2;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, cơi nới, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 10m2 đến 30m2;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, cơi nới, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình trên 30m2.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi kết cấu công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng trái phép công trình ngầm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Khoan, đào khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Khai thác nước trái phép từ công trình thủy lợi.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tự ý dỡ bỏ hoặc lấp công trình thủy lợi;

b) Xây dựng nhà ở, công trình phụ, cầu, kè, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Khai thác đất, đá, cát, sỏi và các vật liệu xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Lập bến bãi, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện trái phép với mục đích kinh doanh trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

8. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2; khoản 4; khoản 5; điểm b, điểm c, khoản 6; điểm a, điểm c, điểm d khoản 7; khoản 8 Điều này;

b) Buộc *phá* dỡ công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a khoản 6; điểm b khoản 7 Điều này.

**Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng phương tiện giao thông đi trên công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới vượt tải trọng cho phép đi trên công trình thủy lợi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe cơ giới, phương tiện thủy nội địa lưu thông trong công trình thủy lợi khi có biển cấm, trừ các loại xe, phương tiện ưu tiên theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu làm hư hỏng công trình đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 của Điều này.

**Điều 24. Vi phạm quy định của giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sai nội dung quy định trong mỗi loại giấy phép sau đây:

a) Trồng cây lâu năm;

b) Nuôi trồng thủy sản;

c) Nghiên cứu khoa học;

d) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sai nội dung quy định trong mỗi loại giấy phép sau đây:

a) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất;

b) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;

c) Xây dựng công trình ngầm;

d) Hoạt động du lịch, thể thao, kinh doanh, dịch vụ.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sai nội dung quy định trong mỗi loại giấy phép sau:

a) Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm d khoản 2; điểm b, khoản 3Điều này;

b) Buộc *phá* dỡ công trình, phần công trình xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều này.

**Chương IV**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT,**

**MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**TRONG LĨNH VỰC ĐÊ ĐIỀU**

**Điều 25. Hành vi vi phạm phá hoại đê điều**

*1. Phạt tiền đối với hành vi phá hoại cây chắn sóng* ***bảo vệ đê*** *như sau:*

*a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với* *số lượng dưới 05 cây;*

*b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với số lượng từ 05 cây đến dưới 10 cây;*

*c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với số lượng từ 10 cây đến dưới 30 cây;*

*d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối số lượng từ 30 cây đến dưới 50 cây;*

*đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với số lượng từ 50 cây đến dưới 100 cây;*

*e) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với số lượng từ 100 cây trở lên;*

2. Phạt tiền đối với các hành vi *cuốc, xới, rẫy cỏ,* gieo trồng các loại *cây hằng năm,* cây lâu năm trên đê; trồng cây lâu năm trong hành lang bảo vệ đê như sau:

*a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với diện tích dưới 01 m2;*

*b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với diện tích từ 01 m2 đến dưới 05 m2;*

*c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m2 đến dưới 10 m2;*

*d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m2 đến dưới 50 m2;*

*đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m2 đến dưới 100m2;*

*e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m2 đến dưới 400m2;*

*g) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với diện tích từ 400 m2trở lên.*

*3. Phạt tiền đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng, di chuyển trái phép hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều như sau:*

*a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng trái phép công trình phụ trợ đê điều;*

*b) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi di chuyển trái phép hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều.*

4*. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối hành vi đào ao, giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều;*

*5. Phạt tiền đối với hành vi đào, bạt, xẻ mặt đê, mái đê, cơ đê và chân đê như sau:*

*a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng dưới 0,3m3;*

*b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng từ 0,3m3 đến 01m3;*

*c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với khối lượng từ 1,0m3 đến 02m3;*

*d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 2,0m3 đến dưới 03m3;*

*đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 3,0m3 đến 05m3;*

*e) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với khối lượng từ 5,0m3 đến 10m3;*

*g) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với khối lượng từ 10m3 đến 15m3;*

*h) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng với khối lượng từ 15m3 trở lên;*

*6. Phạt tiền đối với hành vi khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản trong phạm vi bảo vệ đê điều như sau:*

*a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng dưới 1m3.*

*b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với khối lượng từ 01m3 đến dưới 03m3;*

*c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 03m3 đến dưới 05m3;*

*d) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 05m3 đến dưới 10m3.*

*đ) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với khối lượng từ 10m3 đến dưới 20m3;*

*e) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với khối lượng từ 20m3 trở lên.*

*7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000* đồng đối với hành vi gây nổ làm nguy hại đến thân đê, trừ trường hợp khẩn cấp được người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Luật đê điều quyết định nổ, phá nhằm phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê.

*8. Hình thức xử phạt bổ sung:*

a) Tịch thu **tang vật,** phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 Điều này.

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này*.*

*9. Biện pháp khắc phục hậu quả:*

Buộc trồng lại cây chắn sóng đã chặt, phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

- Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này.

**Điều 26. Vi phạm vận hành trái quy định công trình đê điều**

1. Phạt tiền từ *20.000.000 đồng đến 40.000.000* đồng đối với hành vi vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình phân lũ, làm chậm lũ, cống qua đê, công trình tràn sự cố, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đê điều.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

- Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 27. Vi phạm về đổ chất thải, để vật liệu trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông**

*1. Phạt tiền đối với hành vi đổ chất thải**trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông như sau:*

*a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng với khối lượng dưới 01m3;*

*b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng từ 01 m3đến 03m3;*

*c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với khối lượng từ 03m3đến10m3;*

*d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 10m3đếndưới 20m3;*

*đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 20m3đến30m3;*

*e) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với khối lượng từ 30m3đến50m3;*

*g) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với khối lượng từ 50m3đến100m3;*

*h) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng với khối lượng từ 100m3 trở lên;*

*2. Phạt tiền đối với hành vi để vật liệu trong phạm vi bảo vệ đê điều như sau:*

*a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng với khối lượng dưới 01m3;*

*b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng với khối lượng từ 01m3 đến dưới 05m3;*

*c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng từ 05m3 đến dưới 10m3;*

*d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với khối lượng từ 10m3 đến dưới 15m3;*

*đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 15m3 đến dưới 30m3;*

*e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 30m3 đến dưới 50m3;*

*g) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với khối lượng từ 50m3 đến dưới 100m3;*

*h) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với khối lượng từ 100m3 trở lên;*

*3. Phạt tiền đối với hành vi để vật liệu ở lòng sông, bãi sông như sau:*

*a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng với khối lượng dưới 02m3.*

*b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng với khối lượng từ 02m3 đến dưới 05m3;*

*c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng từ 05m3 đến dưới 10m3;*

*d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với khối lượng từ 10m3 đến dưới 30m3;*

*đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 30m3 đến dưới 100m3;*

*e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 100m3 đến dưới 300m3;*

*g) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với khối lượng từ 300m3 đến dưới 500m3;*

*h) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng với khối lượng từ 500m3 trở lên.*

*4. Hình thức xử phạt bổ sung:*

Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

*5. Biện pháp khắc phục hậu quả*

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 28. Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ và sử dụng đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão**

1. Phạt tiền đối với hành vi c*hiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển trái phép đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão* như sau:

*a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng với khối lượng dưới 0,5 m3;*

*b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với khối lượng từ 0,5 m3 đến dưới 02m3;*

*c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với khối lượng từ 02 m3 đến dưới 05m3;*

*d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khối lượng từ 05 m3 đến dưới 10m3;*

*đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với khối lượng từ 10m3 đến dưới 20m3;*

*e) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với khối lượng từ 20m3 đến dưới 30m3;*

*g) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với khối lượng từ 30m3 trở lên.*

*2. Biện pháp khắc phục hậu quả:*

*a) Buộc* nộp lại vật tư vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đã chiếm dụng, di chuyển, chiếm dụng;

b) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm.

**Điều 29. Vi phạm quy định về sử dụng xe đi trên đê**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng vượt quá tải trọng cho phép đi trên đê*.*

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên đê khi có biển cấm trong trường hợp đê có sự cố hoặc có lũ, lụt, bão, trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, cứu hỏa.

*3. Biện pháp khắc phục hậu quả*

*Buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng đê điều do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây ra.*

***Điều 30. Xây dựng công trình nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều và phạm vi lòng sông không gồm bãi nổi hoặc cù lao***

*1. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều* ***và phạm vi lòng sông không gồm bãi nổi hoặc cù lao,*** *trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt như sau:*

*a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích dưới 02m2.*

*b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 02m2 đến dưới dưới 05m2;*

*c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 05m2 đến dưới dưới 10m2;*

*d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 10m2 đến dưới dưới 30m2;*

*đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối diện tích từ 30m2 đến dưới dưới 50m2;*

*e) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với diện tích từ 50m2 trở lên.*

*2. Biện pháp khắc phục hậu quả:*

*Buộc phá dỡ công trình vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.*

**Điều 31. Vi phạm quy *định tại Điều 26 Luật Đê điều* về xây dựng nhà, công trình tại *bãi sông, bãi nổi, cù lao* nơi chưa có công trình xây dựng**

1. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, *bãi nổi, cù lao* nơi chưa có công trình xây dựng *không có giấy phép* như sau:

*a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với diện tích nhỏ hơn 05m2;*

*b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với diện tích từ 05m2 đến dưới 10m2;*

*c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với diện tích từ 10m2 đến dưới 30m2;*

*d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với diện tích từ 30m2 đến dưới 50m2.*

*đ) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với diện tích từ 50m2 đến dưới 100m2;*

*e) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng với diện tích từ 100m2 trở lên.*

*2. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng sai quy định trong giấy phép như sau:*

*a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với diện tích nhỏ hơn 05m2;*

*b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với diện tích từ 05m2 đến dưới 10m2;*

*c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với diện tích từ 10m2 đến dưới 30m2;*

*d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với diện tích từ 30m2 đến dưới 50m2.*

*đ) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với diện tích từ 50m2 đến dưới 100m2;*

*e) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng với diện tích từ 100m2 trở lên.*

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phá dỡ công trình vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, *khoản 2* Điều này.

**Điều 32. Vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Luật đê điều về mở rộng diện tích mặt bằng xây dựng khi sửa chữa cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng trái phép mặt bằng xây dựng với diện tích dưới 10 m2 khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng trái phép mặt bằng xây dựng với diện tích từ 10 m2 đến dưới 30 m2 khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng trái phép mặt bằng xây dựng với diện tích trên 30 m2 khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc p*há* dỡ phần công trình, nhà ở đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 33. Vi phạm quy định trong giấy phép, văn bản chấp thuận cho các hoạt động liên quan đến đê điều**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sai quy định trong giấy phép quy định tại Điều 31 của Luật đê điều.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sai quy định trong giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 25; khoản 2 Điều 27 và văn bản chấp thuận quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật đê điều.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 25; khoản 2 Điều 27; Điều 31 Luật đê điều mà không có giấy phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 34. Vi phạm quy định trong việc huy động nguồn lực để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều**

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện Quyết định của người có thẩm quyền trong việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều.

**Chương V**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 35. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính *có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;*

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

*b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) *Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

**Điều 36. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Thanh tra và Thủ trưởng cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành phòng, chống thiên tai; *thủy lợi*; đê điều**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành *về phòng, chống thiên tai*; *thủy lợi*; đê điều đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính *có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng*;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và c khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Phòng, chống thiên tai; Chi cục trưởng, Trưởng đoàn thanh tra của Chi cục chuyên ngành về *phòng chống thiên tai,* thủy lợi, đê điều, có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến *25.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai* quy định tại Chương II; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về thủy lợi, đê điều, Chương III và Chương IV Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

*d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá: 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi đê điều;*

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

*b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; Phạt tiền đến 175.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; Phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này;*

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

*d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá: 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai; 350.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi; 140.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều;*

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b*) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; Phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

**Điều 37. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư**

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Điều khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10, Điều 11 Nghị định này trên các vùng biển Việt Nam, như sau:

*1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:*

*a) Phạt cảnh cáo;*

*b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;*

*c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 4.000.000 đồng.*

*2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:*

*a) Phạt cảnh cáo;*

*b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;*

*c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.*

*3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:*

*a) Phạt cảnh cáo;*

*b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;*

*c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*

*4. Cục trưởng Cục Kiểm ngư có quyền:*

*a) Phạt cảnh cáo;*

*b) Phạt tiền đến đến 50.000.000 đồng;*

*c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.*

**Điều 38. Thẩm quyền của Công an nhân dân**

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2*. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:*

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. *Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền*:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng;*

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và c khoản 3 *Điều 3* Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Thủy Đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; *Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, có quyền:*

a) Phạt cảnh cáo;

b) *Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá: 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi; 40.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều;*

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

*5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:*

a) Phạt cảnh cáo;

b*) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này;*

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

*d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, *Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền*:

a) Phạt cảnh cáo;

b) *Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

**Điều 39. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng**

Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II, III và IV Nghị định này tại khu vực biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Bộ đội biên phòng, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng*, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền*:

a) Phạt cảnh cáo;

b) *Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá: 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; 40.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, *Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng* trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) *Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II; phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi quy định tại Chương III; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính về đê điều quy định tại Chương IV Nghị định này*;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

**Điều 40 Thẩm quyền của Cảnh sát biển**

Thẩm quyền của Cảnh sát biển trong việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai quy định tại Chương II Nghị định này tại khu vực thuộc trách nhiệm quản lý của Cảnh sát biển, như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và c khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính *có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng*;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính *có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;*

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

*c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, c, g và h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

***Điều 41. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính***

*1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Nghị định này khi đang thi hành công vụ.*

*2. Công chức, viên chức đang thi hành công vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.*

*3. Người thuộc lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân quy định tại Điều 38 Điều 39, Điều 40 Nghị định này khi đang thi hành công vụ.*

*4. Thuyền trưởng, trưởng tàu quy định tại Điều 37, Điều 40 Nghị định này và những người được thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm trên biển.*

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 42. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

*2. Nghị định này thay thế Nghị định số* [*104/2017/NĐ-CP n*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=139/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*gày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều và Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.*

***Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp***

*Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.*

**Điều 44. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Kiểm toán Nhà nước; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, NN (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **[daky]** |